



DANH SÁCH PHÒNG THI
KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019 - 2020

Môn: Tiếng Anh

Phòng: 01

Tại phòng học số: 103

STT	SBD	Họ và tên	Sinh ngày	Lớp	Ghi chú
1	000002	Dương Minh An	18/01/2004	10A4	
2	000005	Giáp Văn Anh	30/10/2004	10A4	
3	000006	Nguyễn Việt Anh	01/08/2004	10A4	
4	000007	Nghiêm Thị Quỳnh Anh	21/08/2004	10A6	
5	000008	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	14/08/2004	10A1	
6	000009	Trần Thị Ngọc Ánh	02/06/2004	10A1	
7	000011	Thân Quang Bách	16/04/2004	10A4	
8	000012	Đặng Văn Biền	17/09/2004	10A5	
9	000014	Tạ Văn Cảnh	03/08/2004	10A4	
10	000018	Nguyễn Hoàng Việt Chiến	02/08/2004	10A5	
11	000019	Nguyễn Ngọc Chiến	03/06/2004	10A5	
12	000022	Nguyễn Văn Chính	26/09/2004	10A6	
13	000023	Thân Thị Kim Chúc	07/09/2004	10A4	
14	000024	La Thành Công	09/11/2004	10A1	
15	000025	Nguyễn Trung Công	09/07/2004	10A1	
16	000026	Nguyễn Thành Công	20/04/2004	10A4	
17	000027	Vũ Thành Công	02/09/2004	10A4	
18	000028	Nguyễn Cao Cường	09/12/2004	10A6	
19	000029	Nguyễn Văn Đăng	02/10/2003	10A4	
20	000030	Giáp Khánh Đạt	12/10/2004	10A6	
21	000033	Nguyễn Văn Đoàn	17/01/2004	10A5	
22	000034	Nguyễn Trung Đoàn	22/07/2004	10A6	
23	000035	Nguyễn Viết Doanh	02/11/2004	10A4	
24	000036	Đoàn Văn Đông	12/01/2004	10A5	
25	000037	Doãn Văn Du	25/05/2004	10A6	
26	000038	Nguyễn Văn Đức	26/09/2004	10A1	
27	000039	Lương Thị Thúy Dung	08/12/2004	10A1	
28	000043	Thân Tiến Dũng	07/09/2004	10A6	
29	000046	Lê Đại Dương	06/07/2004	10A4	
30	000047	Nguyễn Thế Dương	02/04/2003	10A4	
31	000048	Hoàng Tùng Dương	11/12/2004	10A5	
32	000049	Nguyễn Tùng Dương	30/12/2004	10A5	

Danh sách này có 32 học sinh

Bắc Giang, ngày 12 tháng 12 năm 2019



DANH SÁCH PHÒNG THI
KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019 - 2020

Môn: Tiếng Anh

Phòng: 02

Tại phòng học số: 104

STT	SBD	Họ và tên	Sinh ngày	Lớp	Ghi chú
1	000050	Nguyễn Văn Dương	02/12/2004	10A6	
2	000051	Tạ Văn Dương	21/07/2004	10A6	
3	000052	Trần Quốc Duy	17/12/2004	10A6	
4	000054	Ngô Trường Giang	28/11/2004	10A6	
5	000055	Nguyễn Văn Giáp	01/04/2004	10A5	
6	000056	Đào Khánh Hạ	25/10/2004	10A6	
7	000058	Bùi Tá Hải	11/11/2004	10A6	
8	000059	Nguyễn Đình Hải	03/03/2004	10A6	
9	000060	Nguyễn Ngọc Hân	13/11/2004	10A1	
10	000062	Giáp Văn Hào	27/09/2004	10A4	
11	000064	Thân Thị Thu Hiền	17/07/2004	10A1	
12	000065	Nguyễn Thu Hiền	02/11/2004	10A4	
13	000066	Phan Thị Hiền	18/08/2004	10A5	
14	000067	Trần Minh Hiếu	10/10/2004	10A4	
15	000070	Đào Duy Hoàng	04/03/2004	10A1	
16	000071	Diêm Đăng Hoàng	18/09/2004	10A1	
17	000072	Ngô Gia Thiên Hoàng	26/07/2004	10A1	
18	000073	Nguyễn Ngọc Hoàng	28/06/2004	10A1	
19	000074	Trần Lâm Hoàng	15/09/2004	10A1	
20	000076	Nguyễn Đình Hoàng	28/01/2004	10A4	
21	000077	Nguyễn Minh Hoàng	24/06/2004	10A4	
22	000078	Chu Đình Hoàng	26/07/2004	10A5	
23	000079	Hoàng Văn Học	14/12/2004	10A1	
24	000081	Ngô Thu Hồng	26/10/2004	10A4	
25	000084	Phạm Thị Thanh Huệ	13/11/2004	10A5	
26	000085	Dương Mạnh Hùng	26/07/2004	10A1	
27	000086	Thân Quang Hùng	30/03/2004	10A4	
28	000087	Nguyễn Văn Hùng	18/03/2004	10A5	
29	000088	Thân Ngọc Hùng	01/12/2004	10A6	
30	000089	Nguyễn Thị Mai Hương	02/10/2004	10A1	
31	000090	Nguyễn Thị Mai Hương	29/10/2004	10A5	
32	000091	Nguyễn Văn Hưởng	02/02/2004	10A5	

Danh sách này có 32 học sinh

Bắc Giang, ngày 12 tháng 12 năm 2019



DANH SÁCH PHÒNG THI
KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019 - 2020

Môn: Tiếng Anh

Phòng: 03

Tại phòng học số: 106*

STT	SBD	Họ và tên	Sinh ngày	Lớp	Ghi chú
1	000092	Đỗ Quang Huy	02/11/2004	10A1	
2	000094	Nguyễn Văn Huy	25/12/2004	10A5	
3	000095	Trần Hữu Huy	03/05/2004	10A5	
4	000096	Nguyễn Văn Huy	25/02/2004	10A6	
5	000097	Trần Văn Huy	14/08/2004	10A6	
6	000098	Nguyễn Thu Huyền	23/07/2004	10A1	
7	000099	Nguyễn Thị Thanh Huyền	20/04/2004	10A5	
8	000100	Thân Thị Huyền	01/05/2004	10A5	
9	000101	Tạ Văn Khang	05/05/2004	10A5	
10	000102	Nguyễn Văn Khánh	24/06/2004	10A4	
11	000103	Trần Nam Khánh	07/08/2004	10A6	
12	000104	Ngô Thế Khuê	28/09/2004	10A6	
13	000106	Vũ Đức Kiên	15/10/2004	10A4	
14	000107	Hoàng Đức Kiên	15/04/2004	10A6	
15	000108	Phạm Văn Kiên	20/09/2004	10A6	
16	000109	Nguyễn Văn Lâm	01/01/2004	10A4	
17	000110	Nguyễn Văn Lâm	10/08/2004	10A4	
18	000113	Thân Thị Linh	20/11/2004	10A5	
19	000114	Trần Quang Linh	16/02/2004	10A5	
20	000117	Đỗ Thị Loan	09/10/2004	10A6	
21	000119	Nguyễn Trọng Long	15/10/2004	10A6	
22	000120	Nguyễn Văn Lương	10/04/2004	10A1	
23	000121	Trần Văn Lương	24/11/2004	10A4	
24	000122	Thân Ngọc Mạnh	29/05/2004	10A5	
25	000124	Đỗ Đức Minh	21/01/2004	10A1	
26	000125	Nguyễn Công Minh	26/12/2004	10A1	
27	000126	Nguyễn Công Minh	13/02/2004	10A5	
28	000127	Nguyễn Văn Minh	10/9/2004	10A5	
29	000130	Thân Văn Nam	23/09/2004	10A4	
30	000131	Lê Tuấn Nam	25/07/2004	10A6	
31	000136	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	25/08/2004	10A6	
32	000139	Ngô Phương Nhung	10/11/2003	10A1	

Danh sách này có 32 học sinh

Bắc Giang, ngày 12 tháng 12 năm 2019



DANH SÁCH PHÒNG THI
KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019 - 2020

Môn: Tiếng Anh

Phòng: 04

Tại phòng học số: 107

STT	SBD	Họ và tên		Sinh ngày	Lớp	Ghi chú
1	000141	Tạ Thị Hồng	Nhung	29/09/2004	10A4	
2	000142	Nguyễn Thị	Nhung	07/10/2004	10A5	
3	000143	Thân Thị	Nhung	28/01/2004	10A6	
4	000144	Nguyễn Tuấn	Ninh	28/02/2004	10A5	
5	000147	Nguyễn Quốc	Phong	26/12/2004	10A5	
6	000148	Nguyễn Văn	Phú	25/12/2004	10A4	
7	000149	Vũ Hồng	Phúc	10/12/2004	10A1	
8	000150	Hoàng Anh Đức	Phúc	29/08/2004	10A5	
9	000151	Lê Minh	Phúc	05/06/2004	10A6	
10	000152	Nguyễn Hoàng	Phước	04/10/2004	10A1	
11	000153	Nguyễn Thị	Phương	27/08/2004	10A4	
12	000154	Nguyễn Văn	Phương	17/03/2004	10A4	
13	000155	Nguyễn Trung	Phương	01/05/2004	10A5	
14	000156	Thân Văn	Phương	23/01/2004	10A5	
15	000157	Tổng Văn	Phương	21/09/2004	10A5	
16	000158	Nguyễn Thị	Phượng	27/02/2004	10A6	
17	000159	Dương Minh	Quân	20/04/2004	10A1	
18	000161	Phạm Minh	Quang	12/03/2004	10A4	
19	000162	Nguyễn Đăng	Quang	31/08/2004	10A5	
20	000163	Lưu Thị Hồng	Quế	09/02/2004	10A1	
21	000164	Nguyễn Vương	Quốc	18/11/2004	10A1	
22	000166	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	31/08/2004	10A6	
23	000167	Thân Văn	Sâm	12/03/2004	10A6	
24	000168	Phạm Quang	Sang	25/11/2004	10A5	
25	000169	Thân Quang	Sáng	15/10/2004	10A4	
26	000171	Dương Quang	Son	29/09/2004	10A1	
27	000172	Đoàn Xuân	Sử	01/10/2004	10A1	
28	000173	Đoàn Bảo	Tâm	12/09/2004	10A1	
29	000175	Tạ Văn	Tạo	22/12/2004	10A4	
30	000176	Dương Đức	Thắng	30/12/2004	10A1	
31	000180	Nguyễn Hoài	Thanh	06/02/2004	10A5	
32	000185	Giáp Thị	Thảo	29/09/2003	10A4	

Danh sách này có 32 học sinh

Bắc Giang, ngày 12 tháng 12 năm 2019



DANH SÁCH PHÒNG THI
KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019 - 2020

Môn: Tiếng Anh

Phòng: 05

Tại phòng học số: 206

STT	SBD	Họ và tên		Sinh ngày	Lớp	Ghi chú
1	000186	Nguyễn Văn	Thông	22/04/2004	10A4	
2	000188	Nguyễn Thị	Thu	31/12/2004	10A5	
3	000189	Nguyễn Thị Thanh	Thư	17/12/2004	10A4	
4	000191	Nguyễn Thanh	Thúy	21/01/2004	10A1	
5	000194	Nguyễn Văn	Tiến	28/10/2004	10A5	
6	000195	Trần Văn	Tĩnh	04/10/2004	10A6	
7	000197	Chu Thị Thu	Trang	05/11/2004	10A1	
8	000198	Giáp Thị Sơn	Trang	14/08/2004	10A1	
9	000202	Đoàn Thị	Trang	11/08/2004	10A4	
10	000203	Bùi Thị Huyền	Trang	01/12/2004	10A6	
11	000204	Nguyễn Văn	Trung	12/04/2004	10A4	
12	000205	Trần Văn Quốc	Trung	25/06/2004	10A5	
13	000206	Nguyễn Văn	Trương	19/08/2004	10A6	
14	000207	Nguyễn Văn	Trường	02/02/2004	10A4	
15	000208	Phan Hoàng Cẩm	Tú	17/10/2004	10A1	
16	000209	Thân Đức	Tú	15/06/2004	10A1	
17	000211	Hoàng Quốc	Tuấn	30/12/2004	10A5	
18	000212	Võ Đình	Tuấn	21/04/2004	10A6	
19	000213	Nguyễn Anh	Tuấn	30/10/2004	10A6	
20	000214	Thân Văn	Tùng	24/12/2004	10A1	
21	000215	Thân Bá	Tùng	24/11/2004	10A5	
22	000216	Trần Trọng	Tùng	21/07/2004	10A5	
23	000219	Nguyễn Văn	Tuyền	18/08/2004	10A6	
24	000222	Nguyễn Xuân	Việt	25/07/2004	10A5	
25	000223	Nguyễn Đình	Vinh	23/12/2004	10A1	
26	000225	Thân Văn	Vinh	30/12/2004	10A6	
27	000226	Nguyễn Đức	Vinh	04/04/2004	10A6	
28	000227	Nguyễn Văn	Vinh	22/08/2004	10A6	
29	000229	Hoàng Đông	Xuân	21/10/2004	10A4	
30	000230	Lê Thị Sắc	Xuân	05/10/2004	10A6	

Danh sách này có 30 học sinh

Bắc Giang, ngày 12 tháng 12 năm 2019



DANH SÁCH PHÒNG THI
KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019 - 2020

Môn: Tiếng Trung

Phòng: 06

Tại phòng học số: 207

STT	SBD	Họ và tên	Sinh ngày	Lớp	Ghi chú
1	000001	Vũ Văn An	24/12/2004	10A2	
2	000003	Thân Thị Quế Anh	26/09/2004	10A2	
3	000004	Thân Thị Vân Anh	16/04/2004	10A3	
4	000010	Tổng Thị Ánh	13/08/2004	10A3	
5	000013	Nguyễn Thị Thanh Bình	02/02/2004	10A2	
6	000015	Dương Ngô Cao	29/12/2004	10A3	
7	000016	Đỗ Thị Kim Chi	25/12/2004	10A2	
8	000017	Nguyễn Huệ Chi	05/05/2004	10A2	
9	000020	Nguyễn Văn Chính	07/01/2004	10A2	
10	000021	Trần Văn Chính	07/08/2004	10A3	
11	000031	Ngô Ngọc Diệp	31/10/2004	10A3	
12	000032	Phan Thị Dịu	28/06/2004	10A3	
13	000040	Nguyễn Hoàng Anh Dũng	09/11/2004	10A2	
14	000041	Thân Quang Dũng	24/07/2004	10A2	
15	000042	Hà Quang Dũng	07/09/2004	10A3	
16	000044	Nguyễn Hoàng Thùy Dương	21/04/2004	10A2	
17	000045	Nguyễn Văn Dương	15/01/2004	10A3	
18	000053	Lê Thị Duyên	21/08/2004	10A2	
19	000057	Hoàng Thị Hải	04/12/2004	10A3	
20	000061	Chu Thị Hạnh	06/12/2004	10A2	
21	000063	Nguyễn Thị Hậu	14/12/2004	10A2	
22	000068	Trần Văn Hòa	23/09/2004	10A3	
23	000069	Nguyễn Ngọc Hoàn	01/10/2004	10A3	
24	000075	Nguyễn Việt Hoàng	21/06/2004	10A3	
25	000080	Ngô Xuân Hồng	03/08/2004	10A3	
26	000082	Nguyễn Thị Huệ	22/11/2004	10A3	
27	000083	Thân Thị Huệ	05/12/2004	10A2	
28	000093	Thân Văn Huy	10/07/2004	10A3	
29	000105	Đào Quốc Kiên	08/08/2004	10A3	
30	000111	Đoàn Thị Bắc Lệ	05/11/2004	10A3	
31	000112	Chu Thị Tú Linh	28/04/2004	10A2	
32	000115	Đỗ Thanh Loan	20/04/2004	10A3	
33	000116	Nguyễn Thị Loan	29/10/2004	10A3	
34	000118	Phạm Bảo Long	25/09/2004	10A3	
35	000123	Nguyễn Thị Mi	08/07/2004	10A3	
36	000128	Phạm Thị Trà My	14/11/2004	10A3	

Danh sách này có 36 học sinh

Bắc Giang, ngày 12 tháng 12 năm 2019



DANH SÁCH PHÒNG THI
KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019 - 2020

Môn: Tiếng Trung

Phòng: 07

Tại phòng học số: 201*

STT	SBD	Họ và tên	Sinh ngày	Lớp	Ghi chú
1	000129	Đoàn Văn Nam	22/03/2004	10A3	
2	000132	Thân Thị Nga	01/12/2004	10A2	
3	000133	Trần Thị Thúy Ngân	09/10/2004	10A3	
4	000134	Thân Thị Hồng Ngọc	26/03/2004	10A2	
5	000135	Tạ Bích Ngọc	29/8/2004	10A3	
6	000137	Thân Thị Yến Nhi	01/11/2004	10A2	
7	000138	Dương Thị Nhi	25/02/2004	10A3	
8	000140	Đào Thị Nhung	17/04/2004	10A3	
9	000145	Đoàn Thị Kiều Oanh	09/08/2004	10A2	
10	000146	Vương Thị Oanh	06/02/2004	10A2	
11	000160	Nguyễn Danh Quang	10/01/2004	10A3	
12	000165	Trần Thanh Quyên	04/11/2004	10A3	
13	000170	Nguyễn Ngọc Sim	29/09/2004	10A2	
14	000174	Giáp Văn Tấn	14/12/2004	10A3	
15	000177	Dương Đức Thắng	16/07/2004	10A3	
16	000178	Thân Văn Thắng	10/11/2004	10A3	
17	000179	Thân Văn Thanh	21/07/2004	10A2	
18	000181	Hoàng Thanh Thảo	12/05/2004	10A2	
19	000182	Nguyễn Thị Thảo	02/08/2004	10A2	
20	000183	Thân Thị Phương Thảo	30/09/2004	10A2	
21	000184	Thân Thị Thanh Thảo	28/04/2004	10A3	
22	000187	Đinh Thị Thu	26/11/2004	10A2	
23	000190	Nguyễn Thị Minh Thương	10/11/2004	10A2	
24	000192	Thân Thị Phương Thùy	04/12/2004	10A2	
25	000193	Nguyễn Thị Thủy	06/06/2004	10A2	
26	000196	Nguyễn Thu Trà	01/04/2004	10A3	
27	000199	Lê Huyền Trang	27/01/2004	10A2	
28	000200	Ngô Thùy Trang	10/09/2004	10A2	
29	000201	Thân Thị Thùy Trang	15/02/2004	10A2	
30	000210	Đoàn Minh Tuấn	09/09/2004	10A3	
31	000217	Ngô Văn Tường	05/03/2004	10A2	
32	000218	Vũ Văn Tường	03/08/2004	10A2	
33	000220	Phạm Thị Phương Uyên	30/03/2004	10A3	
34	000221	Hoàng Thế Viên	19/11/2004	10A2	
35	000224	Bùi Thế Vinh	22/09/2004	10A3	
36	000228	Đặng Thị Xuân	23/12/2004	10A2	

Danh sách này có 36 học sinh

Bắc Giang, ngày 12 tháng 12 năm 2019